



ANNUAL SUMMARY OF NOTICES TO MARINERS

CORRECT TO 31st DECEMBER 2017



HSD-NORTH

TỔNG HỢP THÔNG BÁO CẬP NHẬT HẢI ĐỒ HÀNG NĂM

HIỆU CHỈNH ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

HAI PHONG, 2017

SECTION MỤC	CONTENT NỘI DUNG	Page Trang
I	GENERAL NOTES CÁC GHI CHÚ CHUNG	2
II	EXPLANATION OF FORMAT GIẢI THÍCH BIỂU MẪU THÔNG BÁO CẬP NHẬT HẢI ĐỒ	3
III	AFFECTED CHARTS AND PUBLICATIONS HẢI ĐỒ VÀ ẢN BẢN ẢNH HƯỞNG	4
IV	NEW CHARTS, NEW EDITIONS AND NEW PUBLICATIONS HẢI ĐỒ MỚI, PHIÊN BẢN MỚI VÀ ẢN PHẨM MỚI	5
V	NOTICES TO MARINERS AND CHART CORRECTIONS THÔNG BÁO CẬP NHẬT VÀ HIỆU CHỈNH HẢI ĐỒ	5
VI	TEMPORARY AND PRELIMINARY NOTICES THÔNG BÁO TẠM THỜI VÀ SƠ BỘ	5

The Annual summary of Notices to Mariners (issued every 31st December of year) contains corrective information affecting charts published by the Hydrographic Survey Division-North. The information contained in these Notices should be updated on the charts affected.

Tổng hợp thông báo cập nhật hải đồ hàng năm (được phát hành vào ngày 31 tháng 12 hàng năm) bao gồm các thông tin hiệu chỉnh các hải đồ ảnh hưởng do Xí nghiệp Khảo sát bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc xuất bản. Các thông tin này sẽ được cập nhật vào các hải đồ ảnh hưởng.

PUBLISHED BY THE HYDROGRAPHIC SURVEY DIVISION - NORTH

Floors 11, 12&13 Hoa Dang building, No. 01 - lot 11A, Le Hong Phong street, Dang Hai ward, Hai An district, Hai Phong city, Vietnam

Tel : (+84) 225 3728438
 Hotline : (+84) 904 203 220
 Fax : (+84) 225 3827981
 E-mail : vmsn.hsdnorth@gmail.com
 Website : <http://www.hsd-north.vn>

XUẤT BẢN BỞI XÍ NGHIỆP KHẢO SÁT BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN BẮC

Tầng 11, 12&13 Tòa nhà Hoa Đăng, Số 01 - lô 11A, đường Lê Hồng Phong, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại : 0225 3728 438
 Đường dây nóng : 0904 203 220
 Fax : 0225 3827 981
 Hòm thư : vmsn.hsdnorth@gmail.com
 Website : <http://www.hsd-north.vn>

SECTION I / MỤC I

GENERAL NOTES / CÁC GHI CHÚ CHUNG

- 1 Notices to Mariners (including Temporary and Preliminary (T&P) Notices) are issued weekly on a Monday. A summary of Notices to Mariners (including T&P Notices in force) are issued every three months in 31st March, 30th June, 30th September and annual summary in 31st December.

Thông báo cập nhật hải đồ (bao gồm Thông báo cập nhật Tạm thời và Sơ bộ (T&P)) được phát hành hàng tuần vào thứ Hai. Tổng hợp thông báo cập nhật hải đồ (bao gồm Thông báo T&P còn hiệu lực) được phát hành 03 tháng một lần vào ngày 31 tháng 03, ngày 30 tháng 06, ngày 30 tháng 09 và tổng hợp hàng năm vào ngày 31 tháng 12.

- 2 Positions on HSD-NORTH's Charts are referred to the World Geodetic System 1984 (WGS84) Datum.
Vị trí trên Hải đồ của HSD-NORTH được tham chiếu theo hệ tọa độ WGS84.
- 3 Depths are measured in metres and are reduced to Chart Datum, which is approximately the Lowest Astronomical Tide (LAT).
Độ sâu được thể hiện bằng m và so với Mặt chuẩn Hải đồ, xấp xỉ với Thủy triều thiên văn thấp nhất (LAT).
- 4 Heights and spot heights are measured in metres above the Mean Sea Level (MSL) for many years in Hon Dau, Hai Phong, Vietnam (Land Datum).
Độ cao và điểm độ cao được thể hiện bằng m trên mực nước biển trung bình nhiều năm của Hòn Dấu, Hải Phòng, Việt Nam (Độ cao lục địa).
- 5 Navigational marks are based on the IALA Maritime Buoyage System (Region A) - i.e. Red to Port, Green to Starboard.
Báo hiệu hàng hải căn cứ theo Hệ thống Báo hiệu hàng hải IALA (Vùng A) - ví dụ Đỏ trái, Xanh phải.
- 6 HSD-NORTH's charts are available for sale at the Hydrographic Survey Division-North:
Hải đồ của HSD-NORTH có bán tại Xí nghiệp Khảo sát bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc:

Hydrographic Survey Division - North	Xí nghiệp Khảo sát bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc
Floors 11, 12&13 Hoa Dang Building, No.01 Lot 11A, Le Hong Phong street, Dang Hai ward, Hai An district, Hai Phong city, Vietnam	Tầng 11, 12&13 tòa nhà Hoa Đăng, số 1 lô 11A, đường Lê Hồng Phong, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Tel : (+84) 225 3728438	Điện thoại : 0225 3728438
Hotline : (+84) 989 788 840 / 936 678 698	Đường dây nóng : 0989 788 840 / 0936 678 698
Fax : (+84) 225 3827981	Fax : 0225 3827981
E-mail : ymsn.hsdnorth@gmail.com	Hòm thư : ymsn.hsdnorth@gmail.com

- 7 Copies of the Notices to Mariners can be downloaded from the following webpage:

Các bản sao của thông báo cập nhật hải đồ có thể tải về tại trang web dưới đây:

<http://hsd-north.vn/updating-of-paper-charts-s23.htm>

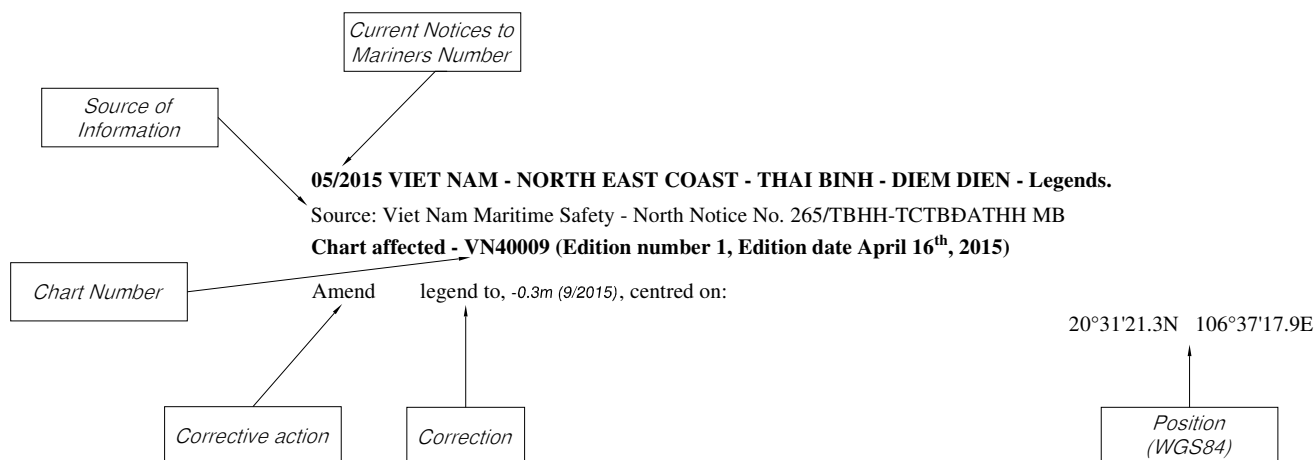
or / hoặc

<http://hsd-north.vn/thong-bao-cap-nhat-hai-do-giay-s21.htm>

SECTION II / MỤC II

EXPLANATION OF FORMAT / GIẢI THÍCH BIỂU MẪU THÔNG BÁO CẬP NHẬT HẢI ĐỒ

The elements of typical chart correction are explained below:

Note:

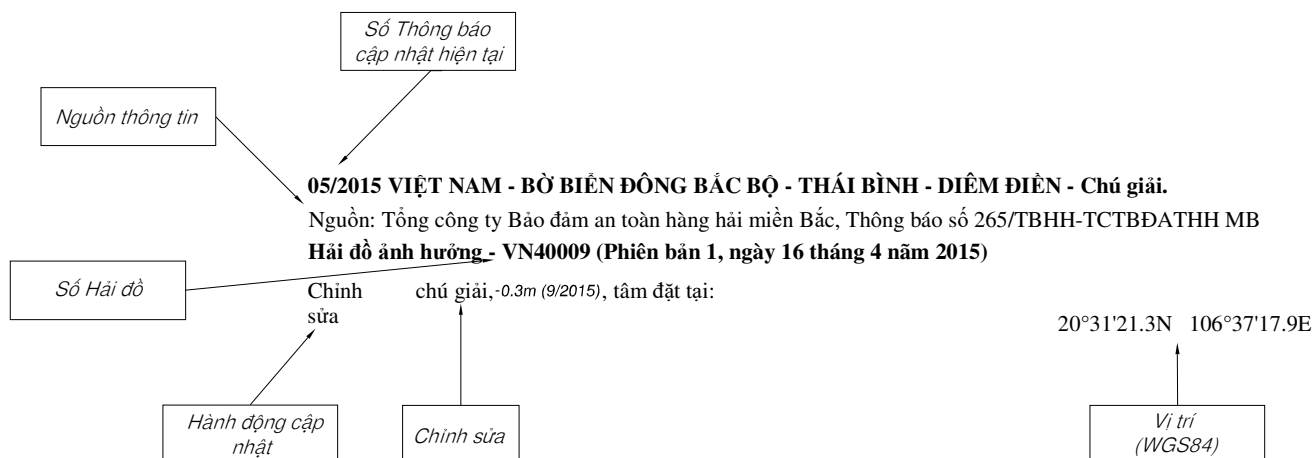
Notices to Mariners number follow by:

T indicates a Temporary Notice (eg. **01(T)/2015**)

P indicates a Preliminary Notice (eg. **01(P)/2015**)

02 indicates a Notice to Mariners

Các yếu tố hiệu chỉnh hải đồ tiêu biểu được giải thích dưới đây:

Ghi chú:

Đánh số thông báo cập nhật hải đồ như sau:

T chỉ ra một thông báo cập nhật tạm thời (ví dụ **01(T)/2015**)

P chỉ ra một thông báo cập nhật sơ bộ (ví dụ **01(P)/2015**)

02 chỉ ra một thông báo cập nhật hải đồ

SECTION III / MỤC III

AFFECTED CHARTS AND PUBLICATIONS / HẢI ĐỒ VÀ ẢN BẢN ẢNH HƯỞNG

INDEX OF AFFECTED CHARTS / DANH MỤC HẢI ĐỒ ẢNH HƯỞNG

Chart No. Số Hải đồ	Notice No. Số Thông báo			Edition Number and Date Số và Ngày của Phiên bản	Remarks Ghi chú
VN30001	2017	-	202(T)	Ed1: Dec 22 2015	
VN30002	2017	-	48(T), 71(T), 72(T), 103(T), 120(T), 196(T)	Ed1: Dec 22 2015	
VN30003	2016	-	111	Ed1: Dec 22 2015	
	2017	-	37(T)		
VN30004	2016	-	111	Ed1: Dec 22 2015	
	2017	-	23(T)		
VN30005	2016	-	233	Ed1: Dec 22 2015	
	2017	-	147(T)		
VN30006	2017	-	127(T), 129, 210	Ed1: Dec 22 2015	
VN30008	2016	-	222(T), 223	Ed1: Dec 22 2015	
VN30009	2016	-	223, 245	Ed1: Dec 22 2015	
VN30010	2016	-	190(T)	Ed1: Dec 22 2015	
	2017	-	112(T), 172		
VN30011	2017	-	02	Ed1: Dec 22 2015	
VN30012	2016	-	108, 163	Ed1: Dec 22 2015	
	2017	-	02		
VN30013	2016	-	181(T), 237, 247	Ed1: Dec 22 2015	
VN30014	2016	-	188(T), 112	Ed1: Dec 22 2015	
VN30017	2017	-	214(T), 221(T), 222(T), 224(T)	Ed1: Dec 22 2015	
VN30022	2017	-	135(T), 136(T)	Ed1: Dec 22 2015	
VN30024	2017	-	120, 134	Ed1: Dec 22 2015	
VN30025	2017	-	166	Ed1: Dec 22 2015	
VN30032	2017	-	253	Ed1: Dec 22 2015	
VN40001	2017	-		Ed3: Dec 01 2017	NE / Phiên bản mới
VN40002	2016	-	243	Ed2: Dec 12 2015	
VN50003	2015	-	02	Ed1: Apr 16 2015	
VN50004	2017	-	85(T), 75, 195	Ed2: Apr 11 2017	NE / Phiên bản mới
VN50005	2017	-	131	Ed1: Apr 16 2015	
VN50006	2015	-	65	Ed1: Apr 16 2015	
	2016	-	06, 252		
	2017	-	131		
VN50007	2017	-	245, 252	Ed2: Dec 01 2017	NE / Phiên bản mới
VN50008	2017	-	245, 252, 255	Ed2: Dec 01 2017	NE / Phiên bản mới
VN40009	2016	-	83, 98	Ed1: Apr 16 2015	
	2017	-	180, 260		

HYDROGRAPHIC SURVEY DIVISION-NORTH

Chart No. Số Hải đồ	Notice No. Số Thông báo			Edition Number and Date Số và Ngày của Phiên bản	Remarks Ghi chú
VN50010	2016	-	149, 193	Ed2: Jun 08 2016	
	2017	-	05, 12, 132, 205		
VN40011	2017	-	146, 170, 227	Ed1: Apr 16 2015	
VN50012	2017	-	147(T), 110, 133, 139, 176, 178, 250, 259	Ed2: Apr 11 2017	
VN40013	2017	-	147(T), 115, 121, 122, 133	Ed3: Apr 11 2017	
VN40014	2017	-	240, 247	Ed2: Nov 11 2017	NC / Hải đồ mới
VN40015	2017	-		Ed4: Nov 11 2017	NE / Phiên bản mới
VN50016	2016	-	222(T), 03, 160	Ed2: Dec 01 2015	
	2017	-	25, 168, 257		
VN50017	2017	-	161	Ed3: Jul 19 2017	NE / Phiên bản mới
VN50018	2017	-		Ed2: Nov 26 2017	NE / Phiên bản mới
VN50019	2016	-	38, 49, 100, 226	Ed1: Apr 16 2015	
	2017	-	06, 31, 198, 236		
VN50020	2016	-	119(T), 148, 183, 189, 202, 253	Ed1: Apr 16 2015	
	2017	-	207(T), 02, 68		
VN50021	2015	-	63	Ed2: Dec 01 2015	
	2016	-	09, 99, 108, 162, 163, 171, 203, 215		
	2017	-	38(T), 26, 160, 164, 230, 256		
VN50022	2015	-	31	Ed1: Apr 16 2015	
	2016	-	220, 237, 247		
	2017	-	111(T)		
VN50023	2017	-		Ed2: Nov 26 2017	NE / Phiên bản mới
VN50024	2016	-	101, 112, 176	Ed1: Apr 16 2015	
	2017	-	41, 186		
VN50025	2017	-	214(T), 221(T), 222(T), 224(T), 239(P), 223	Ed1: Jun 01 2017	
VN50031	2017	-	212	Ed1: Jun 01 2017	
VN50033	2017	-	148	Ed1: Jun 01 2017	
VN50034	2017	-	215(T), 217	Ed1: Jun 01 2017	
VN50035	2017	-	231, 232	Ed1: Jun 01 2017	
VN50038	2017	-		Ed2: Dec 25 2017	NE / Phiên bản mới
VN50039	2017	-		Ed2: Dec 25 2017	NE / Phiên bản mới
VN50044	2017	-	183	Ed1: Jun 01 2017	
VN50046	2017	-	177	Ed1: Jun 01 2017	
VN40054	2017	-	237, 238	Ed1: Jun 01 2017	

SECTION IV / MỤC IV

NEW CHARTS, NEW EDITIONS AND NEW PUBLICATIONS / HẢI ĐỒ MỚI, PHIÊN BẢN MỚI VÀ ẢN PHẨM MỚI

NEW CHARTS / HẢI ĐỒ MỚI:

Chart number / Số Hải đồ : VN40014

Title / Tiêu đề : Nghe An harbour limit / Vùng nước cảng biển Nghệ An

Limits / Giới hạn : 18°38'36N - 18°53'00N, 105°41'00E - 105°52'48E

Scale / Tỷ lệ : 1 : 30000

Date to be published : 11th November 2017

Ngày xuất bản : 11 tháng 11 năm 2017

Description / Mô tả : Chart border has been extended to provide full coverage of new channel and harbour limit and includes significant safety information as follows: changes to coastline, ports, lights, buoyage, depths, power transmission line, vertical clearance compare to the existing chart VN50014.

Giới hạn của hải đồ đã được mở rộng để bao phủ toàn bộ luồng mới và vùng nước cảng biển và bao gồm các thông tin thay đổi quan trọng như: thay đổi đường bờ, cảng, đèn, phao, độ sâu, đường điện, chiều cao lưu thông so với hải đồ hiện tại VN50014.

Chart to be WITHDRAWN / Hải đồ THU HỒI: VN50014

NEW EDITIONS / PHIÊN BẢN MỚI:

Chart number / Số Hải đồ : VN40001

Title / Tiêu đề : Hai Phong - Hon Gai harbour limit / Vùng nước cảng biển Hải Phòng - Hòn Gai

Limits / Giới hạn : 20°35'20N - 21°03'30N, 106°36'30E - 107°14'30E

Scale / Tỷ lệ : 1 : 75000

Edition number and Date to be published : Edition 3 - 01st December 2017

Số phiên bản và Ngày xuất bản : Phiên bản 3 - Ngày 01 tháng 12 năm 2017

Description / Mô tả : Includes significant safety information as follows: changes to coastline, ports, lights, buoyage, depths, power transmission line, vertical clearance.
Bao gồm các thông tin an toàn như: thay đổi đường bờ, cảng, đèn, phao, độ sâu, đường điện, chiều cao lưu thông.

The existing edition of this chart (Edition 2) published on 12th December 2015 has been superseded.
Phiên bản hiện tại của hải đồ này (Phiên bản 2) xuất bản vào ngày 12 tháng 12 năm 2015 đã được thay thế.

Chart number / Số Hải đồ : VN50004

Title / Tiêu đề : Inner approaches to Hon Gai -Cai Lan / Luồng Hòn Gai - Cái Lân đoạn trong

Limits / Giới hạn : 20°50'40N - 21°00'30N, 106°58'00E - 107°11'00E

Scale / Tỷ lệ : 1 : 25000

Edition number and Date to be published : Edition 2 - 11th April 2017

Số phiên bản và Ngày xuất bản : Phiên bản 2 - Ngày 11 tháng 04 năm 2017

Description / Mô tả : Includes significant safety information as follows: changes to coastline, buoyage, depths, anchorage areas.
Bao gồm các thông tin an toàn như: thay đổi đường bờ, phao, độ sâu, vùng neo đậu.

The existing edition of this chart (Edition 1) published on 16th April 2015 has been superseded.
Phiên bản hiện tại của hải đồ này (Phiên bản 1) xuất bản vào ngày 16 tháng 04 năm 2015 đã được thay thế.

Chart number / Số Hải đồ : VN50007

Title / Tiêu đề : Outer approaches to Hai Phong / Luồng Hải Phòng đoạn ngoài

Limits / Giới hạn : 20°41'00N - 20°50'30N, 106°47'10E - 107°00'10E

Scale / Tỷ lệ : 1 : 25000

Edition number and Date to be published : Edition 2 - 01st December 2017

Số phiên bản và Ngày xuất bản : Phiên bản 2 - Ngày 01 tháng 12 năm 2017

Description / Mô tả : Includes significant safety information as follows: changes to coastline, ports, lights, buoyage, channel and depths, power transmission line, vertical clearance.
Bao gồm các thông tin an toàn như: thay đổi đường bờ, cảng, đèn, phao, luồng và độ sâu, đường điện, chiều cao lưu thông.

The existing edition of this chart (Edition 1) published on 16th April 2015 has been superseded.
Phiên bản hiện tại của hải đồ này (Phiên bản 1) xuất bản vào ngày 16 tháng 04 năm 2015 đã được thay thế.

Chart number / Số Hải đồ : VN50008

Title / Tiêu đề : Inner approaches to Hai Phong / Luồng Hải Phòng đoạn trong

Limits / Giới hạn : 20°49'20N - 20°58'50N, 106°40'00E - 106°53'00E

Scale / Tỷ lệ : 1 : 25000

Edition number and Date to be published : Edition 2 - 01st December 2017

Số phiên bản và Ngày xuất bản : Phiên bản 2 - Ngày 01 tháng 12 năm 2017

Description / Mô tả : Includes significant safety information as follows: changes to coastline, ports, lights, buoyage, depths, anchorage areas.
Bao gồm các thông tin an toàn như: thay đổi đường bờ, cảng, đèn, phao, độ sâu, vùng neo đậu.

The existing edition of this chart (Edition 1) published on 16th April 2015 has been superseded.
Phiên bản hiện tại của hải đồ này (Phiên bản 1) xuất bản vào ngày 16 tháng 04 năm 2015 đã được thay thế.

Chart number / Số Hải đồ : VN40015

Title / Tiêu đề : Vung Ang harbour limit / Vùng nước cảng biển Vũng Áng

Limits / Giới hạn : 17°58'10N - 18°14'50N, 106°20'30E - 106°33'48E

Scale / Tỷ lệ : 1 : 30000

Edition number and Date to be published : Edition 4 - 11th November 2017

Số phiên bản và Ngày xuất bản : Phiên bản 4 - Ngày 11 tháng 11 năm 2017

Description / Mô tả : Includes significant safety information as follows: changes to coastline, ports, lights, buoyage, channel and depths.
Bao gồm các thông tin an toàn như: Thay đổi đường bờ, cảng, đèn, phao, luồng và độ sâu.

The existing edition of this chart (Edition 3) published on 01st December 2015 has been superseded.
Phiên bản hiện tại của hải đồ này (Phiên bản 3) xuất bản vào ngày 01 tháng 12 năm 2015 đã được thay thế.

HYDROGRAPHIC SURVEY DIVISION-NORTH

Chart number / Số Hải đồ : VN50017

Title / Tiêu đề : Cua Gianh harbour limit / Vùng nước cảng biển Cửa Gianh

Limits / Giới hạn : 17°38'40N - 17°48'00N, 106°26'30E - 106°39'00E

Scale / Tỷ lệ : 1 : 25000

Edition number and Date to be published : Edition 3 - 19th July 2017

Số phiên bản và Ngày xuất bản : Phiên bản 3 - Ngày 19 tháng 07 năm 2017

Description / Mô tả : Includes significant safety information as follows: changes to depths, anchor berths with swinging circle.
Chart border has been changed to provide full coverage of new anchor berths.
Bao gồm các thông tin an toàn như: thay đổi độ sâu, vùng neo đậu.
Giới hạn của hải đồ đã được thay đổi để bao phủ toàn bộ vùng neo mới.

The existing edition of this chart (Edition 2) published on 05th May 2017 has been superseded.
Phiên bản hiện tại của hải đồ này (Phiên bản 2) xuất bản vào ngày 05 tháng 05 năm 2017 đã được thay thế.

Chart number / Số Hải đồ : VN50018

Title / Tiêu đề : Cua Viet harbour limit / Vùng nước cảng biển Cửa Việt

Limits / Giới hạn : 16°51'00N - 17°00'30N, 107°09'30E - 107°22'10E

Scale / Tỷ lệ : 1 : 25000

Edition number and Date to be published : Edition 2 - 26th November 2017

Số phiên bản và Ngày xuất bản : Phiên bản 2 - Ngày 26 tháng 11 năm 2017

Description / Mô tả : Includes significant safety information as follows: changes to buoyage, channel and depths.
Bao gồm các thông tin an toàn như: thay đổi phao, luồng và độ sâu.

The existing edition of this chart (Edition 1) published on 16th April 2015 has been superseded.
Phiên bản hiện tại của hải đồ này (Phiên bản 1) xuất bản vào ngày 16 tháng 04 năm 2015 đã được thay thế.

Chart number / Số Hải đồ : VN50023

Title / Tiêu đề : Dung Quat harbour limit / Vùng nước cảng biển Dung Quat

Limits / Giới hạn : 15°18'40N - 15°28'20N, 108°44'20E - 108°56'50E

Scale / Tỷ lệ : 1 : 25000

Edition number and Date to be published : Edition 2 - 26th November 2017
Phiên bản 2 - Ngày 26 tháng 11 năm 2017

Số phiên bản và Ngày xuất bản

Description / Mô tả : Includes significant safety information as follows: new port, changes to coastline, buoyage, channel and depths.
Bao gồm các thông tin an toàn như: cảng mới, thay đổi đường bờ, phao, luồng và độ sâu.

The existing edition of this chart (Edition 1) published on 16th April 2015 has been superseded.
Phiên bản hiện tại của hải đồ này (Phiên bản 1) xuất bản vào ngày 16 tháng 04 năm 2015 đã được thay thế.

Chart number / Số Hải đồ : VN50038

Title / Tiêu đề : Song Hau channel / Luồng Sông Hậu

Limits / Giới hạn : Plan A: 09°30'54N - 09°37'19N, 106°29'16E - 106°38'56E
Plan B: 09°33'53N - 09°40'03N, 106°20'10E - 106°29'50E

Scale / Tỷ lệ : 1 : 25000

Edition number and Date to be published : Edition 2 - 25th December 2017
Phiên bản 2 - Ngày 25 tháng 12 năm 2017

Số phiên bản và Ngày xuất bản

Description / Mô tả : Includes significant safety information as follows: changes to depths, legends.
Bao gồm các thông tin an toàn như: thay đổi độ sâu, chú giải.

The existing edition of this chart (Edition 1) published on 01st June 2017 has been superseded.
Phiên bản hiện tại của hải đồ này (Phiên bản 1) xuất bản vào ngày 01 tháng 06 năm 2017 đã được thay thế.

Chart number / Số Hải đồ	: VN50039
Title / Tiêu đề	: Outer Approaches to Dinh An / Luồng Định An đoạn ngoài
Limits / Giới hạn	: 09°25'00N - 09°34'40N, 106°20'20E - 106°32'50E
Scale / Tỷ lệ	: 1 : 25000
Edition number and Date to be published	: Edition 2 - 25 th December 2017 Phiên bản 2 - Ngày 25 tháng 12 năm 2017
Số phiên bản và Ngày xuất bản	
Description / Mô tả	: Includes significant safety information as follows: changes to depths, legends. Bao gồm các thông tin an toàn như: thay đổi độ sâu, chú giải. The existing edition of this chart (Edition 1) published on 01 st June 2017 has been superseded. Phiên bản hiện tại của hải đồ này (Phiên bản 1) xuất bản vào ngày 01 tháng 06 năm 2017 đã được thay thế.